

HANG ĐỘNG ĐÁ VÔI Ở VIỆT NAM VỚI CÁC NỀN VĂN HÓA CỦA NGƯỜI VIỆT CỔ

KS. Nguyễn Đức Khả

Dại học Tổng hợp Hà Nội

Địa hình karst phổ biến rất rộng rãi ở miền Bắc Việt Nam, ước gần 60.000 chiếm tới 1/5 diện tích lãnh thổ. Có thể gặp dạng địa hình hang động karst ở bất kỳ đá vôi nào, cho dù chúng đang còn ở giai đoạn phát triển trẻ, trưởng thành hay đã cổ. Số lượng các hang động có kích thước đáng kể phải tới hàng nghìn, hàng vạn,... tính riêng số hang karst đã được đoàn công tác của bộ môn Địa mạo, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, tiến hành khảo sát, đo vẽ độc lập (trong những năm 1973-1974) cộng tác khảo sát, đo vẽ với các chuyên gia Bungari (năm 1989), các chuyên gia (trong những năm 1990, 1992) ở các khu vực Bắc Sơn, Ninh Bình, Hòa Bình, Hạ Long, Kế Bàng (Quảng Bình) ... cũng đã tới con số hàng trăm.

Các hang động hoặc mái đá ở Việt Nam đều thuộc miền núi đá vôi, trên đó mọc rừng rậm nhiệt đới, xanh quanh năm. Đa số chúng lại được phân bố cạnh nguồn nước rất thuận tiện cho việc cư trú, sinh hoạt của người Việt nguyên thủy. Chính vì vậy, các cốt hóa thạch của người nguyên thủy đã được lần lượt phát hiện trong các hang động mái đá vôi ở miền Bắc Việt Nam và loại hình "di chỉ hang động" đã là loại hình phổ biến nhất trong các di chỉ khảo cổ thuộc thời đại đồ đá ở Việt Nam.

Sơ lược về các di tích hóa thạch của người Việt nguyên thủy trong hang động. Cuộc tìm kiếm, khai quật dấu vết người nguyên thủy trong các hang động và mái đá ở miền núi Bắc Sơn, Hòa Bình, Thanh Hóa... đã được tiến hành từ những năm 1926, 1930 bởi nhà nghiên cứu M. Colani. Tiếp sau E. Saurin và J. Fromaget cũng đã tiến hành nghiên cứu ở Nghệ An, Thanh Hóa, Thượng Lào,... Các nhà khảo cổ Việt Nam trong hơn 30 năm qua cũng đã nhiều lần tìm kiếm, khai quật khảo cổ trên một địa bàn rộng ở miền Bắc Việt Nam... Tuy vậy dấu vết hóa thạch của người nguyên thủy đã phát hiện được còn rất ít ỏi.

Niên đại cổ nhất của người Việt nguyên thủy đã được tìm thấy ở các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (xã Tân Văn - Bình Gia - Lạng Sơn). Tại đây, trong thời kỳ 1964-1965, các nhà khảo cổ đã thu được một số răng người hóa thạch (thường gọi là "người vượn Lạng Sơn") nằm trong lớp trầm tích màu đỏ cùng với xương của một số động vật như báo sao, lợn rừng, nhím... Đặc biệt là có cả xương của một số động vật hiếm, đã hóa thạch như Gấu tre (*Alluropoda melanoleuca*), voi răng kiếm (*Stegodon orientalis*) đười ươi lùn (*Pongo pygmaeus*), vượn khổng lồ (*Gigantopithecus*)... (Trần Quốc Vương, 1978). Không tìm thấy các công cụ đá trong các hang này.

Theo Lê Trung Khả (1974), răng người vượn Lạng Sơn có hình thái không khác răng người vượn Bắc Kinh (*Sinanthropus pekinensis*) và có thể nằm trong dòng tiến hóa từ Người vượn Bắc Kinh - người vượn Lạng Sơn - người Mã Bá (Quảng Đông - Trung Quốc). Niên đại của người vượn ở hang Thẩm Hai và Thẩm Khuyên là 250.000 - 300.000 năm (sơ kì đá cũ - Protopaléolit).

Lai Châu) có trên 700 mảnh tước cùng với nhiều xương của động vật hóa thạch. Đặc thú vị là tại hang con Moong (Cúc Phương) các nhà khảo cổ đã tìm thấy di chỉ của nền văn hóa nối tiếp nhau theo thời gian nhưng cùng tồn tại trên một mặt cắt. Sớm nhất là Văn hóa Sơn Vi (Paléolit), rồi đến 2 văn hóa kế tiếp muộn hơn là Văn hóa Hòa Bình (Mésolit) và Văn hóa Bắc Sơn (Néolit).

Phát triển muộn hơn và nối tiếp với văn hóa Sơn-Vi là Văn hóa Hòa Bình. Văn hóa Hòa Bình được M. Colani điều tra và xác lập từ năm 1928-1930, thuộc thời đại Đá già (Mésolit). Tuyệt đại đa số những di chỉ thuộc nền Văn hóa Hòa Bình là những hang động đá vôi. Vì vậy có người gọi Văn hóa Hòa Bình là "Văn hóa hang động".

Cuối sông gần như là nguyên liệu duy nhất của kĩ nghệ đồ đá Hòa Bình, vì vậy người ta cũng gọi Văn hóa Hòa Bình là "Văn hóa cuội" (Pebble culture). Trong Văn hóa Hòa Bình, phần lớn công cụ được ghè đẽo ở một mặt còn một mặt vẫn giữ nguyên vỏ tự nhiên của đá cuội. Các chày nghiền, bàn nghiền hạt, hòn ghè,... bằng đá cuội cũng chỉ có dấu vết sử dụng, không có dấu vết gia công. Đặc biệt, kết cấu tầng văn hóa của nền Văn hóa Hòa Bình thường xếp và chứa rất nhiều vỏ ốc. Vì thế, chính M. Colani đã gọi nhân của Văn hóa Hòa Bình là "những người ăn ốc".

Số lượng di chỉ của nền Văn hóa Hòa Bình đã tìm được trong hang động đặc biệt lớn: hang Xóm Giổ, hang Mường Kháng, hang Mường Chuông, hang Mường Khăm, hang Chiềng Xén (Sơn La - Mộc Châu), hang Đấng (Cúc Phương), hang Sùng Sầm, hang Lạc Gạo, hang Đồng Nôi, hang Bưng (Hòa Bình), hang Thăm Hai (Con Cuông), hang Chanh, hang Ké Sang, hang Bản Đóm (Nghệ An), hang Tùng, hang Sào Đông (Ninh Bình),... những di chỉ có số lượng công cụ đặc biệt lớn, như hang Làng Bón (Thanh Hóa) tầng văn hóa dày 3-3,7m chứa tới 2.378 hiện vật. (Trần Quốc Vượng 1978).

Nền Văn hóa Bắc Sơn (Néolit) do H. Mansuy, M. Colani xác lập 1924-1925, được phát triển từ nền Văn hóa Hòa Bình và giống như Văn hóa Hòa Bình, những di chỉ của nền văn hóa này hầu như chỉ tìm thấy ở các hang động đá vôi. Địa bàn phân bố của Văn hóa Bắc Sơn tương đối rộng: Bắc Sơn - Lạng Sơn, Bắc Thái, Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa...

Công cụ đá của Văn hóa Bắc Sơn ngoài một số ít công cụ đẽo của văn hóa Hòa Bình bao gồm chủ yếu là loại rìu đá chỉ mài ở lưỡi, các bàn mài sa thạch, các "dấu" Bắc Sơn đặc biệt có các đồ gốm có dấu đan, đáy tròn, miệng loc,... rất tiêu biểu cho thời đại Đá mới.

Các di chỉ của Văn hóa Bắc Sơn tuy không phong phú bằng Hòa Bình nhưng cũng có số lượng đáng kể: hang Bó Man (Băng Mạc), hang Thăm Khoách (Bình Gia), hang Lạc Cờm (Bắc Sơn), hang Nà Ché, hang Minh Lệ, hang Bó Lúm (trong khối Bắc Sơn)...

Trước khi bước sang thời đại kim khí, trong các hang động, mái đá thuộc khu vực ven biển Quảng Ninh và các hải đảo trong vịnh Hạ Long, đã tồn tại một nền văn hóa thuộc giai đoạn Đá mới muộn - nền Văn hóa Hạ Long (các nhà khảo cổ Việt Nam xác lập 1965-1968).

Di chỉ của Văn hóa Hạ Long bao gồm 2 loại hình: hang động và ngoài trời trong đó di chỉ ngoài trời có số lượng phong phú hơn (Cát Bà, Tuần Châu, Ngọc Vũng, Bãi Cháy, Xích Thổ, Quất Đông, Thoi Giếng...).

Hình loại công cụ của Văn hóa Hạ Long rất đa dạng, phong phú. Phát triển các công cụ đá được chế tạo bằng phương pháp cưa, khoan, mài mà đặc trưng là những chiếc t

val, có nóc khá đẹp và đặc biệt đã sản xuất được đồ gốm bằng kĩ thuật bàn xoay...

Nền Văn hóa Hạ long là nền văn hóa cuối cùng, tồn tại trong các hang động đá vôi ở Việt Nam. Các thời đại đồ đồng, đồ sắt,... sau này, không còn thấy dấu vết ở các hang động đá vôi nữa.

Đặc điểm tự nhiên của các hang động có di chỉ khảo cổ. Các di chỉ hang động ở miền núi đá vôi Bắc Việt Nam tuy rất phong phú và đa dạng về hình thái, kích thước, vị trí... song chúng đều có những nét chung là thuận tiện cho sự cư trú, di lại, tự vệ, sinh hoạt... của người nguyên thủy trong thời đại đồ đá.

Hang động hay mái đá được dùng làm nơi cư trú thường nằm trong trạng thái tự nhiên của chúng, hầu như không có dấu vết của sự cải tạo hay gia cố. Sinh hoạt của người nguyên thủy phần lớn chỉ tập trung ở phần gần cửa hang, chỗ nền hang bằng phẳng, rộng rãi. Hang động, mái đá là nơi trú náu ban đêm, nơi tránh mưa, nắng, gió, rét... nơi tập trung, phân phối và nấu nướng thức ăn, nơi diễn ra những sinh hoạt văn hóa của bầy người nguyên thủy. Tùy theo kích thước của mỗi hang mà số người trong hang nhiều hay ít. Thông thường, mỗi hang chứa được vài chục người.

Các hang động khảo cổ thường cao ráo, thoáng đãng, nhiều ánh sáng, cửa hang thường quay về hướng nam (nam, tây nam, đông nam) để tránh ngọn gió đông bắc lạnh lẽo. Các hang đều phân bố gần sông, suối vừa tiện cho sinh hoạt, săn bắt, vừa gần nguồn nhiên liệu (củi, tảng) để chế tạo các loại công cụ đá.

Hình thái cửa hang tuy khác nhau nhưng đa số đều thu nhỏ ở ngoài, mở rộng phía trong, để lên xuống và đều là cửa hang dạng "mái đá" (trần hang nhô ra so với đáy hang) chứ không phải cửa hang dạng "hứng nước" (trần hang thụt vào so với đáy hang). Cửa hang dạng "mái đá" có tác dụng ngăn cản nước mưa và cả nước bề mặt chảy trực tiếp vào hang, do đó hang luôn được khô ráo.

Theo số liệu thống kê của đoàn khảo sát-do vẽ hang động trong khối đá vôi Bắc Sơn thuộc bộ môn Địa mạo, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1973-1974), toàn bộ các hang động ở khu vực này có thể xếp vào 4 tầng chính dựa vào độ cao tương đối của cửa hang so với bề mặt cánh đồng karst phía dưới hoặc so với chân núi.

- tầng 1- thấp nhất Độ cao 2-3m.
- tầng 2- Độ cao 6-8m.
- tầng 3- Độ cao 13-18m.
- tầng 4- Cao nhất. Độ cao 25-40m hoặc hơn.

Các hang ở tầng 1 thường là hang nước, nối thông với hệ thống sông suối trong khu vực. Hang thường ẩm ướt, có nhiều dòng nước karst nhỏ, từ trên nóc hang chảy nhỏ giọt xuống dưới. Vì vậy các hang này hầu như không có các di chỉ khảo cổ.

Các hang có di chỉ khảo cổ chiếm số đông nhất nằm trong các tầng 2 và 3 (6-8m; 13-18m). Các hang động ở tầng cao (25-40m hoặc hơn) có số di chỉ hạn chế, có lẽ do đi lại khó khăn hoặc cửa hang quá bí mật, người nguyên thủy khó phát hiện ra. Tuy nhiên cũng có những trường hợp ngoại lệ đặc biệt như hang Ba Xã (Bắc Sơn), độ cao tương đối so với mặt ruộng (bề mặt cánh đồng karst) lên tới 108m vẫn có di chỉ khảo cổ với nền văn hóa dày tới 1,3m (niên đại Đồ đá mới muộn).

Khả năng tìm thấy các di chỉ khảo cổ mới ở hang động.

Trải qua 70 năm tìm kiếm, khai quật các di chỉ khảo cổ ở các hang động, mái thuộc các vùng núi đá vôi ở Bắc Việt Nam của các nhà khảo cổ Pháp và Việt Nam, có thể nói rằng cho đến nay, hầu hết các di chỉ khảo cổ trong khu vực giao lưu thuận tiện giữa miền núi và đồng bằng ở lãnh thổ này đều đã lần lượt được phát hiện, số di chỉ còn sót lại, ẩn dấu trong lòng các hang động, mái đá chưa được phát hiện sẽ không nhiều và việc tìm kiếm chúng hoàn toàn khó khăn, tốn kém. Tuy vậy vẫn có khả năng phát hiện chúng trong những điều kiện đặc biệt sau đây:

1. Trong những hang động có cửa hang bị quá trình sụt lở lấp kín hoặc gần kín.
2. Trong những hang động, vốn trước đây có nền hang bằng phẳng rộng rãi nhưng do quá trình sụt trần sau đó mà hiện nay đáy hang lõm nhón đá tảng và các sản phẩm vật của quá trình sườn.
3. Trong những hang động, trước đây vốn rộng rãi, thoáng đãng nhưng do sự hình thành thạch nhũ diễn ra mạnh mẽ mà hiện nay lòng hang hầu như bị lấp gần kín bởi các dạng thạch nhũ.
4. Trong những hang động bị chôn vùi dưới các lớp trầm tích trẻ hoặc dưới mực biển do quá trình hạ lún tân kiến tạo hoặc sự thay đổi mực nước đại dương xảy ra trong thời kỳ Holoxen muộn.
5. Trong những hang động thuộc các vùng núi cao hoặc núi hiểm trở, có điều kiện giao thông khó khăn với vùng xuôi như vùng núi đá vôi Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu, Ké Bằng (Quảng Bình),...
6. Năm 1974, Nguyễn Đức Tùng có nói tới khả năng có thể phát hiện các di chỉ của nền Văn hóa Sơn Vi và Văn hóa Hòa Bình ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, dưới những cửa sâu - 40m và -13m. Ý kiến này hoàn toàn không có cơ sở thực tế và cũng không phù hợp với những đặc trưng của 2 nền văn hóa này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Trung Khả "Tìm hiểu vấn đề Neandertan". Tập san khảo cổ học số 16-1974.
2. Nguyễn Quang Mỹ, Đào Đình Bắc, Nguyễn Đức Khả, Nguyễn Vi Dân "Đặc điểm địa mạo cấu tạo khu vực Lạng Sơn và phụ cận". Phần phụ lục - 55 sơ đồ hang động. Lưu trữ tổng cục Địa chất 1976.
3. Nguyễn Đức Tùng "Có thể phát hiện văn hóa Sơn Vi và văn hóa Hòa Bình ở đồng bằng Bắc Bộ". Tập san khảo cổ học, số 16-1974.
4. Trần Quốc Vương, Hà Văn Tấn, Diệp Đình Hoa "Cơ sở khảo cổ học". Nxb Bộ Đại học và THCN, Hà Nội 1978.

KARST CAVES AND THE CULTURES OF AN ARCHAIC MAN IN VIETNAM

Ing. Nguyen Duc Kha

Hanoi University

In Vietnam, fossils of archaic Vietnamese man have been found in many karst areas by researchers (M. Colani, E. Saurin, J. Fromaget, Le Trung Kha, etc). Four ancient cultures are also found in karst caves. They are Sonvi, Hoabinh, Bacson and Halong Cultures. Based on analysing the natural conditions of karst caves where archaic remains have been found, the author of the paper gives six conditions for discovering the archaic remains in other karst caves in the future.